

Phụ lục I
TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(Kèm Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Minh Tân)

STT	Hiện trạng thôn trên địa bàn xã					Sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã						Ghi chú
	Tên thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người HDKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	Tên gọi của thôn sau sắp xếp	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Tỷ lệ hộ gia đình so với tiêu chuẩn (%)	Số người HDKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	
Tổng cộng		8.390	29.721	87	127	0	8.390	29.721	2.098	36	72	0
1	Thôn Hương Nghĩa	354	1.219	3	4	Nghĩa Phú	1.020	3.491	255,00	3	6	
2	Thôn Phú Cốc	250	822	3	4							
3	Thôn Phú Vinh	416	1.450	3	4							
4	Thôn Bạch	634	2.254	3	4	Bạch	733	2.609	183,25	3	6	
5	Thôn Phu	99	355	2	4							
6	Thôn Phú Lão	366	1.237	3	4	Minh Thuận	688	2.273	172,00	3	6	
7	Thôn Kênh Đào	178	613	3	4							
8	Thôn Trại Kho	144	423	2	4							
9	Thôn Đồng Đất	337	1.202	3	4	Minh Thành	587	2.067	146,75	3	6	
10	Thôn Duyên Hạ	250	865	3	4							
11	Thôn Nhị Thôn	107	411	3	4	Trường An	428	1.639	107,00	3	6	
12	Thôn Thọ Trại	180	696	3	4							
13	Thôn Việt An	141	532	3	4							
14	Thôn Hạ Xá	230	851	3	4	Duy Tân	646	2.281	161,50	3	6	
15	Thôn Phú Thôn	416	1.430	3	4							
16	Thôn Bàn Kết	438	1.533	3	4	Tân Khánh	603	2.068	150,75	3	6	
17	Thôn Đồng Lương	165	535	3	4							
18	Thôn Phong Cốc	338	1.274	3	4	Vân Phong	684	2.506	171,00	3	6	
19	Thôn Lúa Tân Lập	169	645	3	4							
20	Thôn Vân	177	587	3	4							
21	Thôn Bồi La Vây	159	605	3	4	Bồi Xuyên	588	2.207	147,00	3	6	
22	Thôn Bồi Xuyên Bù	275	1.008	2	4							
23	Thôn Bồi Xuyên Hạ	154	594	2	4							
24	Thôn Ngọc Thành	278	1.038	2	4	Cộng Hòa	729	2.699	182,25	3	6	
25	Thôn Phúc Ngọc	179	686	2	4							
26	Thôn Châu Bạc Tháp	272	975	2	4							
27	Thôn Thông Khê	167	581	2	4							
28	Thôn Thiện Vịnh	307	1.025	2	4	Thiện Vịnh	668	2.281	167,00	3	6	
29	Thôn Hoàng	194	675	3	4							
30	Thôn Chiêu	364	1.340	3	4	Minh Sơn	1.016	3.600	254,00	3	6	
31	Thôn Hạ	390	1.350	3	4							

